

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST

Ngày 14/10/2021

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Quốc Trị** và ông **Hà Xuân Ninh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Lan** – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1987; địa chỉ 687 B, phường 13, quận 8, thành phố H; Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Dương Công T**, sinh năm 1986; địa chỉ thôn 5, xã G, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

Người làm chứng: Ông **Dương Văn K**, sinh năm 1947; địa chỉ thôn 5, xã G, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18 tháng 02 năm 2021, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày: Giữa chị Vũ Thị N và bị đơn là anh Dương Công T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 9 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thôn 5, xã G, huyện V, tỉnh N. Chị Vũ Thị N và anh Dương Công T chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị N đã bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho tới nay. Chị N thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Công T.

Về con chung chị Vũ Thị N trình bày: Vợ chồng chị có một con chung cháu là Dương Ngọc Yến N, sinh ngày 11/5/2011. Từ khi ly thân chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nếu được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giao con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, chị không yêu cầu anh Dương Công T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Vũ Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Dương Công T đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho Vũ Thị N được ly hôn anh Dương Công T;

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Ngọc Yến N, sinh ngày 11/5/2011, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Dương Công T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Công T; anh Dương Công T có nơi cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Vũ Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Dương Công T đã được Tòa án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Dương Công T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 29 tháng 9 năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mặc dù vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế chị N đã bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh để ở và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Điều này phù hợp với bản tự khai của ông Dương Văn K (là bố đẻ anh T). Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Dương Công T cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị N.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị N và anh Dương Công T có một con chung cháu là Dương Ngọc Yến N, sinh ngày 11/5/2011. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T có một con chung cháu đã trên bảy tuổi, chị N là công nhân của Công ty TNHH sản xuất AJ SOLUTIONS, tại Khu công nghiệp Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu công việc, thu nhập ổn định. Từ khi ly thân con chung đều do chị N trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị N không yêu cầu anh Dương Công T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trong thời gian trước đây và hiện tại cháu Dương Ngọc Yến N đều do chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm tốt về mọi mặt. Anh Dương Công T không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa, nên không có quan điểm của anh T về con chung. Quan điểm của chị N đưa ra là tự nguyện, không trái pháp luật. Vì vậy, cần giao con chung Dương Ngọc Yến N cho chị Vũ Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu N và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Vũ Thị N không yêu cầu anh Dương Công T cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Vũ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị N và anh Dương Công T được ly hôn;

2. Về con chung:

Giao cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Dương Ngọc Yến N, sinh ngày 11/5/2011.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 14/10/2021 cho tới khi con chung đủ 18 tuổi, nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Vũ Thị N không yêu cầu anh Dương Công T cấp dưỡng nuôi con. Khi nào chị N có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2019/0000199 ngày 22/02/2021.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thiện Thành